

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~153~~ 91./BTC-KBNN
V/v hướng dẫn xử lý chuyển
nguồn ngân sách cuối năm 2018
sang năm 2019 và các năm sau

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2018

Kính gửi:

- Văn phòng trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Công tác xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm được quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 (Luật NSNN); Điều 76 Luật Đầu tư công; Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN (Thông tư số 342/2016/TT-BTC), nhưng vẫn có nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương có văn bản gửi về Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn chi tiết hơn. Để công tác chuyển nguồn ngân sách cuối năm thực hiện thống nhất, tránh sai sót và thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN, Bộ Tài chính hướng dẫn công tác xử lý ngân sách cuối năm 2018, chuyển sang năm 2019 và các năm sau, cụ thể:

1. Các khoản kinh phí được chuyển nguồn

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư (viết tắt là đơn vị) và cấp dưới trực thuộc tích cực triển khai, sử dụng dự toán ngân sách năm được giao, thanh toán các khoản tạm ứng theo đúng thời hạn quy định. Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán và số dư trên tài khoản tiền gửi

ngân sách cấp, tiếp tục kiểm soát chi theo Luật NSNN và văn bản hướng dẫn Luật, hết thời gian chính lý quyết toán (ngày 31 tháng 01 năm sau) chưa thực hiện hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng, gồm:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định, cụ thể:

- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN, Điều 76 Luật Đầu tư công, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018), Khoản 4 Điều 56n Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/ NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018).

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hàng năm được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hàng năm của từng dự án sang các năm sau. Phần vốn nước ngoài đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công hàng năm và đã được chính phủ Việt Nam nhận nợ nhưng chưa giải ngân, thời gian thực hiện và giải ngân được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau.

- Đối với số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

- Về thời hạn hạch toán đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cập nhật theo quy định tại Khoản 4 Điều 56n Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/ NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018), cụ thể:

+ Các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi được xác nhận kiểm soát chi đến ngày 31 tháng 01 năm sau phải thực hiện rút vốn và xác nhận hạch toán tại KBNN nơi giao dịch trước ngày 01 tháng 03 năm sau.

+ Đối với các khoản chi áp dụng kiểm soát chi sau thực hiện rút vốn từ ngày 31 tháng 01 trở về trước, Chủ dự án gửi hồ sơ đến KBNN nơi giao dịch để kiểm soát chi và xác nhận hạch toán trước ngày 01 tháng 03 năm sau

+ KBNN hoàn thành hạch toán các khoản chi từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi trong niên độ thực hiện trước ngày 31 tháng 03 năm sau.

- Về quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương (NSTW), vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài nước quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 thực hiện theo quy định tại Tiết 4 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018.

- Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 đã được chuyển sang năm 2018, chỉ được giải ngân đến hết ngày 31/12/2018. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công sang năm 2019 theo từng dự án.

Lưu ý:

(1) Kinh phí chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung từ dự phòng ngân sách, tăng thu, tiết kiệm chi (không bao gồm nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất);

(2) Đối với vốn ngoài nước áp dụng cơ chế tài chính trong nước, xử lý tương tự như vốn trong nước;

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2018; chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia:

- Về nội dung trang thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị sang năm 2019 cho đơn vị:

Đơn vị gửi Kho bạc nhà nước (KBNN) nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm sau: Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm; đối với dự toán giao đầu năm của ngân sách trung ương phải được phân bổ chậm nhất đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 (trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định) theo quy định Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2018 và còn thời hạn thực hiện thanh toán để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2019 cho đơn vị.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện dự án mua sắm trang thiết bị có thể gồm nhiều thành phần (mua thiết bị, tư vấn giám sát, mua phần mềm, sửa chữa, lắp đặt chạy thử, chi phí quản lý dự án...) để thực hiện cùng dự án trong giai đoạn được phê duyệt, và có thể có những nội dung chi không có hợp đồng thì phải đảm bảo các nội dung này đều là phục vụ hợp đồng chính về mua sắm trang thiết bị, hợp đồng ký trước ngày 31/12/2018 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, thì được chuyển nguồn sang năm sau.

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội.

Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước bao gồm: (1) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên; (2) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước còn dư; (3) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bố trí dự toán ngân sách năm 2018 còn dư; (4) 50% tăng thu ngân sách địa phương năm 2018 không kể tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, được theo dõi mã nguồn 14- Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương.

Nguồn kinh phí chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ về quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và Tiết c, Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016) được theo dõi mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

Lưu ý: Các đơn vị sử dụng ngân sách, tổng hợp số dư kinh phí dự toán năm 2018 được chuyển nguồn theo quy định đối với nội dung chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công gửi KBNN nơi giao dịch để đề nghị điều chỉnh số dư kinh phí này từ mã nguồn hiện tại (mã nguồn 29 - nếu có) sang mã nguồn 17 để được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

Từ năm 2019, đề nghị các cơ quan, đơn vị nhập dự toán kinh phí chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công trên Hệ thống

thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) vào mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

d) Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm cả kinh phí khoán chi quản lý tài chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi:

Nguồn kinh phí được giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ.

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm: số dư tại các đơn vị được giao theo cơ chế tài chính trong nước, số dư tạm ứng ở cấp ngân sách theo chế độ quy định đã làm thủ tục xác nhận viện trợ, được chuyển nguồn sang năm sau.

đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2018, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:

Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/09/2018, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9.

e) Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện.

Đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ còn phải chi kinh phí cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm sau: Văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

Khoản kinh phí này được theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học.

g) Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau.

2. Thủ tục chuyển nguồn sang năm sau

a) Các khoản kinh phí đã giao cho các đơn vị thuộc các nội dung từ Điểm a đến Điểm e Mục 1 của Công văn này, trước ngày 10 tháng 2 năm sau, đơn vị lập bảng đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch (theo Mẫu biểu số 58, số 59 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày

21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN) về số dư dự toán, số dư tạm ứng và số dư trên tài khoản tiền gửi ngân sách cấp KBNN tiếp tục kiểm soát chi theo quy định của Luật NSNN (nếu có), kèm theo các tài liệu liên quan nội dung nêu ở Mục 1 của Công văn này để rà soát, đối chiếu chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định.

b) KBNN nơi đơn vị giao dịch căn cứ nội dung dự toán giao, thời hạn được chi, điều kiện được chuyển nguồn để xác nhận, chuyển nguồn sang năm sau. KBNN các cấp tổng hợp, lập báo cáo chi tiết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT- BTC.

c) Cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) tổng hợp toàn bộ các khoản được chuyển nguồn (bao gồm: số liệu chuyển nguồn do KBNN cùng cấp báo cáo và các khoản được chuyển nguồn tại Khoản g, Mục I của Công văn này) và có văn bản gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn từ năm 2018 sang thu chuyển nguồn năm sau theo quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện các nội dung trên. Việc chuyển nguồn ngân sách các năm sau thực hiện theo yêu cầu, nguyên tắc nêu trên. Trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị có văn bản phản ánh về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) để nghiên cứu, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc KBNN;
- Lưu: VT, KBNN (370 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn